

Số: /BC-STC

Thành phố Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về Khu thương mại tự do trên địa bàn thành phố Đồng Nai

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Bối cảnh khu vực và thế giới về phát triển thương mại tự do hiện nay rất sôi động và đa dạng trong đó nhiều quốc gia và khu vực đang tích cực tham gia và thúc đẩy các hiệp định thương mại tự do (FTA) để tăng cường hội nhập kinh tế và phát triển bền vững. Ở Đông Nam Á: Các quốc gia như Malaysia, Singapore, và Việt Nam đã thiết lập nhiều khuôn khổ về thương mại tự do để thu hút đầu tư và thúc đẩy thương mại. Ví dụ, Malaysia có các khu thương mại tự do lớn như Tanjung Pelepas và Port Klang, nơi các doanh nghiệp được hưởng nhiều ưu đãi về thuế và thủ tục hải quan.

Trên thế giới, Hiệp định CPTPP: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) là một trong những FTA thế hệ mới quan trọng, với các cam kết sâu rộng về cắt giảm thuế quan và các quy định thương mại. Các nước tham gia CPTPP cam kết xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với 65–95% số dòng thuế ngay khi hiệp định có hiệu lực. Hiệp định EVFTA: Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU) – EVFTA cũng là một FTA thế hệ mới, với cam kết xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với 99% số dòng thuế trong khoảng thời gian 7–10 năm.

Các hiệp định này không chỉ giúp mở rộng thị trường xuất khẩu mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong nước nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu.

Bên cạnh đó, theo UNCTAD 2024, số lượng các khu thương mại tự do trên thế giới đã vượt mốc 7.000, trong đó hơn 60% nằm ở các quốc gia đang phát triển. Đáng chú ý, 4/10 khu TMTD thu hút FDI lớn nhất châu Á đều nằm trong các vành đai logistics tích hợp giữa cảng biển – sân bay – trung tâm tài chính.

Bối cảnh phát triển thương mại tự do ở Việt Nam hiện nay rất tích cực và đầy triển vọng. Việt Nam đã và đang tham gia vào nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng thị trường và thu hút đầu tư nước ngoài. Việt Nam đã ký kết và thực thi nhiều FTA quan trọng như Hiệp định CPTPP, EVFTA và RCEP. Những hiệp định này giúp Việt Nam mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng cường thu hút đầu tư và nâng cao năng lực cạnh

tranh của các doanh nghiệp trong nước. Các FTA mang lại cơ hội lớn cho Việt Nam trong việc tiếp cận các thị trường lớn như EU, Nhật Bản và các nước ASEAN. Điều này không chỉ giúp tăng kim ngạch xuất khẩu mà còn thúc đẩy chuyển giao công nghệ và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển về xây dựng và phát triển thành phố Đồng Nai đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2065 định hướng thành lập và phát triển khu thương mại tự do gắn với đô thị sân bay Long Thành để phát triển vùng sân bay đạt chuẩn quốc tế của thành phố Đồng Nai tương xứng với vị trí, vai trò là cực tăng trưởng chiến lược của quốc gia.

Về pháp lý, điểm a và điểm b khoản 1 Điều 21 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 ngày 24 tháng 8 năm 2026 của Quốc hội giao Hội đồng nhân dân thành phố quy định trình tự, thủ tục thành lập, điều chỉnh ranh giới, diện tích Khu thương mại tự do; đồng thời quy định cơ chế, chính sách về quản lý, tổ chức, hoạt động, ưu đãi đầu tư, tạo thuận lợi thương mại, cải thiện môi trường kinh doanh và chính sách đặc thù phát sinh trong quá trình hoạt động. Đây là căn cứ trực tiếp để xây dựng Nghị quyết. Các nội dung Luật đã quy định đầy đủ hoặc thuộc pháp luật chuyên ngành phải được áp dụng theo cơ chế dẫn chiếu, không quy định lại và không làm thay đổi thẩm quyền của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Về thực tiễn, Đồng Nai hội tụ điều kiện để phát triển khu thương mại tự do. Năm 2025, quy mô kinh tế thành phố Đồng Nai đạt khoảng 700.000 tỷ đồng, tăng trưởng GRDP đạt 9,63%, đóng góp 5,49% vào tăng trưởng chung của cả nước, xếp thứ tư cả nước về quy mô kinh tế; GRDP bình quân đầu người đạt 150,86 triệu đồng; thu ngân sách đạt 103.053 tỷ đồng; kim ngạch xuất khẩu khoảng 34,6 tỷ USD; thu hút FDI trên 4,3 tỷ USD; chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 15,22%. Đây là nền tảng kinh tế đủ lớn để Đồng Nai không chỉ tiếp nhận một sân bay quốc tế, mà còn phát triển một cực tăng trưởng mới dựa trên hàng không, logistics, công nghiệp công nghệ cao, tài chính và thương mại quốc tế.

Đồng Nai cũng có nền tảng công nghiệp và FDI đủ mạnh để nâng cấp thành hệ sinh thái sản xuất – logistics – dịch vụ công nghệ cao. Đồng Nai có 89 khu công nghiệp được quy hoạch với diện tích 43.386 ha, 01 khu kinh tế 25.864 ha, 01 khu công nghệ cao 497 ha; trong đó có 44 khu công nghiệp đang hoạt động, tỷ lệ lấp đầy khoảng 60%. Địa phương đã thu hút nhà đầu tư từ 51 quốc gia và vùng lãnh thổ, với trên 2.300 dự án, tổng vốn trên 45 tỷ USD, và hơn 730 nghìn lao động làm việc trong các khu công nghiệp, khu kinh tế. Đây là lợi thế quan trọng để chuyển từ mô hình công nghiệp gia công – lắp ráp sang công nghiệp hàng không, công nghiệp phụ trợ, bán dẫn, cơ khí chính xác, logistics thông minh và sản xuất xanh.

Về không gian phát triển, khu vực đô thị Long Thành đã có định hướng quy hoạch để hình thành mô hình tích hợp giữa sân bay – đô thị – công nghiệp – logistics – thương mại tự do – đổi mới sáng tạo. Điều này cho thấy việc thành lập khu thương mại tự do không phải là một ý tưởng tách rời, mà phù hợp với cấu trúc không gian phát triển đã được xác lập.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

- Cụ thể hóa đầy đủ, kịp thời nội dung được giao tại khoản 1 Điều 21 Luật Phát triển đô thị; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và khả thi.
- Xây dựng trình tự, thủ tục rõ ràng, minh bạch, phù hợp với từng trường hợp thành lập, điều chỉnh Khu thương mại tự do; hạn chế phát sinh thủ tục trùng lặp.
- Hoàn thiện cơ chế quản lý, tổ chức hoạt động và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan đối với Khu thương mại tự do; bảo đảm phù hợp với việc phân công, giao nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền và không làm thay đổi thẩm quyền theo pháp luật chuyên ngành.
- Tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, khai thác lợi thế cảng hàng không - logistics - công nghiệp - thương mại - dịch vụ; đồng thời bảo đảm quốc phòng, an ninh, môi trường, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu và quản lý rủi ro.
- Quy định và dẫn chiếu việc áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đúng thẩm quyền, đối tượng, điều kiện, khả năng cân đối nguồn lực và không trùng lặp chính sách

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Hoàn thiện trình tự, thủ tục thành lập, điều chỉnh ranh giới, diện tích Khu thương mại tự do

Vấn đề cần giải quyết: Khung pháp lý hiện hành đã có quy định đối với Khu thương mại tự do nhưng cần được cập nhật theo Luật Phát triển đô thị, làm rõ các trường hợp điều chỉnh và xử lý sự khác nhau về mức độ tác động của từng trường hợp. Nếu áp dụng cùng một quy trình cho mọi trường hợp sẽ làm tăng thời gian, chi phí hành chính; ngược lại, nếu đơn giản hóa thiếu điều kiện có thể ảnh hưởng đến quy hoạch, môi trường, quốc phòng, an ninh và hiệu quả sử dụng nguồn lực.

Mục tiêu của chính sách: Bảo đảm mọi trường hợp thành lập, điều chỉnh có căn cứ, hồ sơ, nội dung thẩm định, cơ quan thực hiện và thời hạn rõ ràng; phân hóa thủ tục theo mức độ thay đổi.

1.1. Đánh giá tác động:

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên cơ chế hiện hành, không ban hành quy định mới

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không phát sinh quy định mới nhưng không thực hiện đầy đủ yêu cầu quy định chi tiết của Luật Phát triển đô thị; dẫn đến không thống nhất về thuật ngữ, thẩm quyền và trường hợp điều chỉnh.

- Tác động về kinh tế - xã hội: Cơ quan nhà nước và nhà đầu tư không phát sinh chi phí chuyển đổi ngay, nhưng thiếu cơ chế rõ ràng có thể kéo dài thời gian chuẩn bị dự án, làm giảm tính dự báo và cơ hội thu hút đầu tư; lợi ích ngắn hạn thấp hơn chi phí cơ hội dài hạn.

- Tác động về giới (nếu có): Quy định về trình tự, thủ tục được áp dụng thống nhất đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, không có nội dung quy định khác biệt hoặc phân biệt đối xử về giới; do đó, không phát sinh tác động trực tiếp về giới.

- Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không phát sinh thủ tục mới, nhưng các thủ tục hiện có có thể không bao quát đầy đủ các trường hợp theo Luật mới và chưa được phân hóa theo mức độ tác động.

b) Giải pháp 2: Ban hành quy định thống nhất, phân hóa trình tự, thủ tục theo từng trường hợp thành lập, điều chỉnh

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Cụ thể hóa điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Phát triển đô thị; bảo đảm đồng bộ với quy hoạch, đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường và pháp luật có liên quan. Quy định rõ trường hợp thay đổi vị trí, ranh giới không đổi tổng diện tích; giảm diện tích; tăng không quá 10% với phần tăng liền kề; tăng trên 10% với phần tăng có thể liền kề hoặc không liền kề.

- Tác động về kinh tế - xã hội: Tăng tính minh bạch, dự báo, giảm rủi ro chuẩn bị hồ sơ không phù hợp; giúp thành phố chủ động điều chỉnh không gian phát triển. Các cơ quan phát sinh nhiệm vụ xây dựng quy trình, phối hợp thẩm định và công khai thông tin; tuy nhiên, các nhiệm vụ này cơ bản được thực hiện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực hiện có của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Tác động về giới (nếu có): Quy định về trình tự, thủ tục được áp dụng thống nhất đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, không có nội dung quy định khác biệt hoặc phân biệt đối xử về giới; do đó, không phát sinh tác động trực tiếp về giới.

- Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Giải pháp góp phần hoàn thiện trình tự, thủ tục và thành phần hồ sơ phù hợp với từng trường hợp thành lập, điều chỉnh Khu thương mại tự do. Tổ chức đề xuất phải chuẩn bị hồ sơ theo quy định; tuy nhiên, việc phân định cụ thể từng trường hợp và quy định rõ thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp thuận lợi hơn trong quá trình chuẩn bị, nộp và xử lý hồ sơ.

1.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp.

Lựa chọn Giải pháp 2 vì vừa thực hiện đúng nhiệm vụ Luật giao, vừa khắc phục sự không đồng bộ của cơ chế hiện hành và cho phép kiểm soát rủi ro theo mức độ điều chỉnh. Khi quy định cụ thể cần tiếp tục rà soát để thành phần hồ sơ chỉ yêu cầu tài liệu cần thiết, không trùng lặp dữ liệu cơ quan nhà nước đã có.

2. Chính sách 2: Hoàn thiện mô hình quản lý, tổ chức hoạt động và cơ chế phối hợp đối với Khu thương mại tự do.

Vấn đề cần giải quyết: Hoạt động tại Khu thương mại tự do liên quan nhiều lĩnh vực chuyên ngành. Nếu không có đầu mối và cơ chế phối hợp, nhà đầu tư phải liên hệ nhiều cơ quan; thông tin, dữ liệu phân tán; trách nhiệm theo dõi, tháo gỡ khó khăn và đánh giá hiệu quả không rõ. Tuy nhiên, đầu mối quản lý không được làm thay đổi thẩm quyền pháp luật đã giao cho cơ quan chuyên ngành.

Mục tiêu của chính sách: Hoàn thiện cơ chế quản lý, tổ chức hoạt động và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan đối với Khu thương mại tự do; bảo đảm phù hợp với việc phân công, giao nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền, mô hình quản lý và không làm thay đổi thẩm quyền theo pháp luật chuyên ngành.

2.1. Đánh giá tác động:

a) Giải pháp 1: Không quy định cụ thể cơ chế quản lý, tổ chức hoạt động và trách nhiệm phối hợp

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không làm phát sinh quy định mới về quản lý, tổ chức hoạt động và phối hợp giữa các cơ quan có liên quan. Tuy nhiên, giải pháp này chưa cụ thể hóa đầy đủ nội dung được giao tại điểm b khoản 1 Điều 21 Luật Phát triển đô thị và chưa tạo cơ sở pháp lý thống nhất để tổ chức thực hiện sau khi Khu thương mại tự do được thành lập.

- Tác động về kinh tế - xã hội: Không phát sinh thêm nhiệm vụ tổ chức thực hiện trong giai đoạn đầu. Tuy nhiên, việc chưa quy định rõ cơ chế phối hợp có thể gây khó khăn cho cơ quan nhà nước và nhà đầu tư trong quá trình trao đổi thông tin, xử lý các vấn đề liên ngành và giải quyết khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình hoạt động của Khu.

- Tác động về giới (nếu có): Giải pháp không quy định sự khác biệt về quyền, nghĩa vụ hoặc điều kiện áp dụng giữa các giới; do đó, không làm phát sinh tác động trực tiếp về giới.

- Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới. Tuy nhiên, do chưa xác định rõ cơ chế phối hợp, tổ chức, cá nhân có thể phải liên hệ với nhiều cơ quan để được hướng dẫn hoặc giải quyết các nội dung có liên quan.

b) Giải pháp 2: Quy định cơ chế quản lý, tổ chức hoạt động và trách nhiệm phối hợp phù hợp với việc phân công, giao nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Cụ thể hóa nội dung về quản lý, tổ chức và hoạt động theo điểm b khoản 1 Điều 21 Luật Phát triển đô thị; đồng thời bảo đảm phù hợp với thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc quyết định giao nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước đối với Khu thương mại tự do. Giải pháp không xác định cụ thể cơ quan được giao nhiệm vụ, quyền hạn và không làm thay đổi thẩm quyền của các cơ quan theo pháp luật chuyên ngành.

- Tác động về kinh tế - xã hội: Việc quy định rõ nguyên tắc quản lý và trách nhiệm phối hợp góp phần tạo thuận lợi cho quá trình trao đổi thông tin, xử lý các vấn đề liên ngành và hỗ trợ nhà đầu tư trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan. Việc thực hiện cơ bản dựa trên tổ chức, nhân lực và quy trình công tác hiện có; kinh phí cụ thể, nếu phát sinh, được xem xét trong quá trình triển khai theo quy định của pháp luật và khả năng cân đối nguồn lực.

- Tác động về giới (nếu có): Giải pháp không quy định sự khác biệt về quyền, nghĩa vụ hoặc điều kiện áp dụng giữa các giới; do đó, không làm phát sinh tác động trực tiếp về giới.

- Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Giải pháp không quy định thêm giấy phép, điều kiện kinh doanh hoặc thủ tục hành chính mới. Việc hướng dẫn và phối hợp được thực hiện trong phạm vi các thủ tục, chức năng và nhiệm vụ hiện hành của các cơ quan có liên quan, qua đó góp phần hạn chế việc tổ chức, cá nhân phải liên hệ, trao đổi nhiều lần trong quá trình thực hiện.

2.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

Lựa chọn Giải pháp 2 vì đáp ứng yêu cầu cụ thể hóa nội dung về quản lý, tổ chức và hoạt động được giao tại điểm b khoản 1 Điều 21 Luật Phát triển đô thị; đồng thời tạo cơ sở xác định trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình quản lý và tổ chức hoạt động của Khu thương mại tự do. Giải pháp này không xác định cụ thể cơ quan được giao nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước, không làm thay đổi thẩm quyền theo pháp luật chuyên ngành và bảo đảm phù hợp với việc phân công, giao nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Chính sách 3: Hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ, tạo thuận lợi thương mại và cải thiện môi trường kinh doanh

Vấn đề cần giải quyết: Luật Phát triển đô thị quy định nhiều ưu đãi, hỗ trợ và cơ chế đặc thù, đồng thời giao Hội đồng nhân dân Thành phố quy định trong phạm vi nhất định. Nếu chỉ dẫn chiếu chung sẽ khó áp dụng; nếu quy định vượt thẩm quyền hoặc trùng lặp pháp luật thuế, hải quan, đầu tư sẽ làm phát sinh rủi ro pháp lý và ngân sách. Đối với hỗ trợ lãi suất cho dự án tại, cần bảo đảm đúng đối tượng, thời hạn, khả năng cân đối và không hỗ trợ trùng lặp.

Mục tiêu của chính sách: Bảo đảm nhà đầu tư tiếp cận đầy đủ, minh bạch các cơ chế hợp pháp; lựa chọn công cụ hỗ trợ có mục tiêu, kiểm soát chi phí ngân sách; thúc đẩy logistics xanh, hiện đại, đổi mới sáng tạo và thương mại quốc tế; duy trì quản lý rủi ro.

3.1. Đánh giá tác động:

a) Giải pháp 1: Chỉ áp dụng các quy định chung, không quy định hoặc dẫn chiếu rõ cơ chế tại Nghị quyết

Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp bảo đảm việc áp dụng theo các quy định hiện hành, nhưng chưa cụ thể hóa đầy đủ nội dung được giao tại điểm b khoản 1 Điều 21 Luật Phát triển đô thị và có thể làm phân tán căn cứ áp dụng.

- Tác động về kinh tế - xã hội: Không phát sinh chi ngân sách hỗ trợ mới; tuy nhiên mức độ ưu đãi, khả năng dự báo và hiệu quả truyền dẫn chính sách thấp, có thể bỏ lỡ dự án hạ tầng logistics có tác động lan tỏa.

- Tác động về giới (nếu có): Giải pháp không quy định sự khác biệt về quyền, nghĩa vụ hoặc điều kiện áp dụng giữa các giới; do đó, không làm phát sinh tác động trực tiếp về giới.

- Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Giải pháp không làm phát sinh thủ tục hành chính liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ. Tuy nhiên, do các cơ chế, chính sách được quy định tại nhiều văn bản khác nhau, nhà đầu tư có thể gặp khó khăn trong việc xác định quy định và thủ tục tương ứng để thực hiện.

b) Giải pháp 2: Quy định theo hướng dẫn chiểu đầy đủ cơ chế của Luật và thiết kế chính sách địa phương trong đúng phạm vi được giao

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp cụ thể hóa nội dung được giao tại điểm b khoản 1 Điều 21 Luật Phát triển đô thị, đồng thời bảo đảm sự thống nhất với pháp luật về đầu tư, thuế, hải quan và các quy định có liên quan. Đối với chính sách hỗ trợ lãi suất, Nghị quyết quy định nguyên tắc áp dụng và thời gian hỗ trợ tối đa; đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ, nguồn vốn, trình tự và thủ tục thực hiện theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố và quy định của pháp luật có liên quan, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách.

- Tác động về kinh tế - xã hội: Việc quy định rõ các cơ chế ưu đãi, hỗ trợ góp phần nâng cao tính minh bạch và tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong việc xác định chính sách được áp dụng. Chính sách hỗ trợ lãi suất có thể góp phần giảm một phần chi phí vốn đối với dự án đáp ứng đầy đủ điều kiện. Mức độ tác động đến ngân sách và hiệu quả kinh tế - xã hội phụ thuộc vào đối tượng, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ và số lượng dự án thực tế; do đó, cần được xem xét, đánh giá cụ thể khi xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ.

- Tác động về giới (nếu có): Giải pháp không quy định sự khác biệt về quyền, nghĩa vụ hoặc điều kiện áp dụng giữa các giới; do đó, không làm phát sinh tác động trực tiếp về giới.

- Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Việc thực hiện chính sách hỗ trợ có thể phát sinh hồ sơ và trình tự xem xét hỗ trợ. Thành phần hồ sơ, trình tự và thủ tục cụ thể được quy định tại nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về chính sách hỗ trợ, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và khả năng tổ chức thực hiện. Các ưu đãi về thuế, hải quan và đầu tư tiếp tục được thực hiện theo thủ tục quy định tại pháp luật chuyên ngành.

3.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp.

Lựa chọn Giải pháp 2 vì đáp ứng yêu cầu cụ thể hóa nội dung được giao tại điểm b khoản 1 Điều 21 Luật Phát triển đô thị, đồng thời giúp nhà đầu tư xác định rõ các cơ chế, chính sách được áp dụng. Giải pháp bảo đảm các ưu đãi về đầu tư, thuế, hải quan được thực hiện theo pháp luật chuyên ngành; đối với chính sách hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước, việc thực hiện phải căn cứ đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ, nguồn vốn và khả năng cân đối ngân sách theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố và quy định của pháp luật có liên quan.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về Khu thương mại tự do trên địa bàn thành phố Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND thành phố (b/c);
- Văn phòng UBND thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Lưu: VT, THQH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Võ Minh Trung

Phụ lục 1. Bảng tổng hợp, so sánh các giải pháp

Chính sách	Giải pháp 1	Giải pháp 2 được lựa chọn	Căn cứ lựa chọn
1. Hoàn thiện trình tự, thủ tục thành lập, điều chỉnh ranh giới, diện tích Khu thương mại tự do	Giữ nguyên cơ chế hiện hành, không ban hành quy định mới.	Ban hành quy định thống nhất, phân định trình tự, thủ tục phù hợp với từng trường hợp thành lập, điều chỉnh ranh giới, diện tích Khu thương mại tự do.	Cụ thể hóa nội dung được giao tại điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16; kế thừa các quy định đã được áp dụng trong thực tiễn; bảo đảm thành phần hồ sơ, trình tự và nội dung xem xét phù hợp với tính chất, mức độ của từng trường hợp điều chỉnh.
2. Hoàn thiện cơ chế quản lý, tổ chức hoạt động và trách nhiệm phối hợp đối với Khu thương mại tự do.	Không quy định cụ thể cơ chế quản lý, tổ chức hoạt động và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan.	Quy định cơ chế quản lý, tổ chức hoạt động và trách nhiệm phối hợp phù hợp với việc phân công, giao nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền.	Cụ thể hóa nội dung được giao tại điểm b khoản 1 Điều 21 Luật Phát triển đô thị; tạo cơ sở phối hợp trong quá trình quản lý và tổ chức hoạt động của Khu thương mại tự do; không xác định cụ thể cơ quan được giao nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước và không làm thay đổi thẩm quyền theo pháp luật chuyên ngành.
3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ, tạo thuận lợi thương mại và cải thiện môi trường kinh doanh	Chỉ áp dụng các quy định chung, không quy định cụ thể hoặc dẫn chiếu rõ các cơ chế, chính sách được áp dụng tại Khu thương mại tự do.	Quy định, dẫn chiếu các cơ chế, chính sách được áp dụng và cụ thể hóa chính sách thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố trong phạm vi Luật Phát triển đô thị giao.	Cụ thể hóa nội dung được giao tại điểm b khoản 1 Điều 21 Luật Phát triển đô thị; giúp xác định rõ cơ chế, chính sách được áp dụng; bảo đảm các ưu đãi về đầu tư, thuế, hải quan được thực hiện theo pháp luật chuyên ngành và chính sách hỗ trợ có sử dụng ngân sách được thực hiện phù hợp với khả năng cân đối ngân sách Thành phố.

Phụ lục 2. Nội dung dự kiến theo dõi, đánh giá sau khi chính sách được ban hành

Nhóm nội dung	Nội dung theo dõi, đánh giá	Nguồn thông tin
Việc thực hiện trình tự, thủ tục	Số lượng hồ sơ thành lập, điều chỉnh Khu thương mại tự do; tình hình tiếp nhận, giải quyết và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.	Cơ quan được giao nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước; cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và các cơ quan, đơn vị có liên quan.
Tình hình đầu tư và hoạt động	Số lượng dự án đầu tư; vốn đăng ký, vốn thực hiện; diện tích được đầu tư, khai thác; tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại và dịch vụ logistics trong Khu thương mại tự do.	Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư; cơ quan được giao nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước; cơ quan thuế, cơ quan hải quan và các cơ quan, đơn vị có liên quan.
Việc thực hiện cơ chế phối hợp	Tình hình phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị; những nội dung liên ngành đã được xử lý; khó khăn, vướng mắc và trách nhiệm của các cơ quan trong quá trình tổ chức thực hiện.	Báo cáo của các cơ quan, đơn vị có liên quan và kết quả tổng hợp của cơ quan được giao nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước.
Việc thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ	Số lượng dự án, tổ chức, doanh nghiệp được áp dụng chính sách; kinh phí hỗ trợ đã thực hiện; tình hình thực hiện các điều kiện hỗ trợ; những khó khăn, vướng mắc và trường hợp có nguy cơ hưởng chính sách trùng lặp.	Cơ quan tài chính, cơ quan thuế, cơ quan hải quan, cơ quan thực hiện chính sách hỗ trợ và các cơ quan, đơn vị có liên quan.
Tác động về kinh tế - xã hội	Tình hình thu hút đầu tư, hoạt động xuất nhập khẩu, dịch vụ logistics, việc làm và thu ngân sách phát sinh từ hoạt động của Khu thương mại tự do.	Báo cáo của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thuế, cơ quan hải quan, doanh nghiệp và các cơ quan, đơn vị có liên quan.
Môi trường, quốc phòng, an ninh và quản lý rủi ro	Tình hình chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh, phòng cháy và chữa cháy; tình hình phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp; an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu.	Cơ quan công an, cơ quan quân sự, cơ quan hải quan, cơ quan quản lý thị trường, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường và các cơ quan chuyên ngành có liên quan.

